TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1658/2018/DS-ST
Ngày: 27/11/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2/- Bà Nguyễn Thị Xuyến

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Quân – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Mộng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2018/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 428/2018/QĐST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 489/2018/QĐST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn :

Bà Nguyễn B, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 334/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 29/12/2017).

(Có mặt)

Bị đơn: Bà Lê C, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2017, bạn tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có bà Nguyễn B là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02/11/2013, bà Lê C có ký hợp đồng tín dụng số 20131101-500000-0117 với Ngân hàng TMCP A vay số tiền 31.500.000 đồng (Ba mươi mốt triệu

năm trăm nghìn đồng chẵn) với lãi suất thỏa thuận 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng bà Lê C có nghĩa vụ thanh toán số tiền 57.904.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.609.000 đồng, tháng cuối trả 1.589.000 đồng, trả vào ngày 06 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 06/12/2013.

Thực hiện hợp đồng, bà C đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng TMCP A được 11 lần với tổng số tiền là 21.699.000 đồng, bao gồm 9.694.579 đồng tiền gốc và 12.004.421 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 19/7/2017 đến nay, bà Lê C không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở.

Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê C thanh toán một cho công ty toàn bộ số tiền nợ gồm các khoản như sau:

- Toàn nộ nợ gốc là 21.805.421 đồng.

- Toàn bộ nợ lãi là 14.399.579 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê C phải thanh toán là 36.205.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng chẵn).

Bị đơn bà Lê C không đến Tòa và cũng không có văn bản gởi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A có bà Nguyễn B là Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Lê C có trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi là 36.205.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng chẵn), ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng.

- Bị đơn bà Lê C vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3, quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn bà Lê C không thực hiện đúng thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện bị đơn bà Lê C là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1] Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện bị đơn bà Lê C phải thanh toán số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[1.2] Căn cứ vào xác minh của Công an Phường 4, Quận 3 ngày 30/3/2018 thì bị đơn bà Lê C có hộ khẩu thường trú và hiện nay cư ngụ tại đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3.

[1.3] Bị đơn bà Lê C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.2] Về số nợ gốc:

Tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng quy định về trường hợp chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ như sau: "*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*."

Do bà Lê C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, nên Ngân hàng chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ trước hạn khoản cấp tín dụng chưa thanh toán đối với bà C là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 20131101-500000-0117 ngày 02/11/2013 cho thấy vào ngày 02/11/2013 bà Lê C có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP A để vay số tiền 31.500.000 đồng. Bà C đã thanh toán được số nợ gốc là 9.694.579 đồng. Kể từ từ 19/7/2017, bà C không thanh toán cho nguyên đơn nữa, là đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, xét việc Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bà C phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 21.805.421 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về số nợ lãi:

Tại Hợp đồng tín dụng số 20131101-500000-0117 ngày 02/11/2013 các bên có thỏa thuận lãi suất 3.75%/tháng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*." Căn cứ khoản 1 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng..."* thì mức lãi suất 3.75%/tháng do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20131101-500000-0117 ngày 02/11/2013 là hoàn toàn phù hợp.

Xét việc bà Lê C đã cam kết trả lãi cho nguyên đơn số tiền 26.404.000 đồng, thực tế đã thanh toán được số tiền lãi là 12.004.421 đồng. Tuy nhiên kể từ ngày 19/7/2017, bà C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nữa, là đã vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 20131101-500000-0117, ngày 02/11/2013. Do đó, việc Ngân hàng TMCP A yêu cầu bà Lê C phải thanh toán số tiền lãi còn lại là 14.399.579 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà Lê C phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng A được chấp nhận số tiền là 1.810.250 đồng (Một triệu tám trăm mười nghìn hai trăm năm mươi đồng). Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 290, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị Quyết)

***Tuyên xử*:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A:

Buộc bà Lê C phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 36.205.000 đồng (Ba mươi sáu triệu hai trăm lẻ năm nghìn đồng chẵn), trong đó nợ gốc là 21.805.421 đồng, nợ lãi là 14.399.579 đồng. Việc trả tiền được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi bà Lê C thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP A thì giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20131101-500000-0117 ngày 02/11/2013 được chấm dứt.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê C phải chịu 1.810.250 đồng (Một triệu tám trăm mười nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 905.125 đồng (Chín trăm lẻ năm nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0020149 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- THADS Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Ngọc